# 20. BỘ TƯ PHÁP

Tại Công văn số 2262/BTP-VP ngày 7 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tư pháp về việc trả lời kiến nghị cử tri tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII:

***1. Cử tri tỉnh Bình Dương, Phú Yên kiến nghị:*** *Cử tri cho rằng, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là “cầu nối” để đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đông đảo người dân, giúp họ nâng cao nhận thức pháp luật, hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh trật tự. Nhưng hiện nay nhiều địa phương vẫn còn xem nhẹ công tác này, trông chờ vào sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên và bố trí rất ít kinh phí để triển khai các hoạt động tuyên truyền. Cử tri kiến nghị quan tâm tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.*

Những năm qua, nhất là sau 03 năm triển khai thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), công tác PBGDPL đã được các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương quan tâm, chú trọng, thiết thực và hiệu quả hơn. Sau mỗi kỳ họp Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ, Bộ Tư pháp đều chủ trì hoặc phối hợp tổ chức biên soạn tài liệu tuyên truyền, phổ biến; có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và đề nghị các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung cơ bản của luật, pháp lệnh đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý và tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân. Hầu hết các luật, pháp lệnh, nghị định mới ban hành đều được đăng tải công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật; Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của bộ, ngành, đoàn thể, địa phương. Nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến hiệu quả đã được áp dụng, nhất là qua phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng, mạng lưới loa truyền thanh cơ sở, báo chí, Công báo trong tủ sách pháp luật... Vì vậy, mọi người dân, cán bộ, công chức đều dễ dàng tiếp cận, khai thác và sử dụng các văn bản pháp luật để phục vụ công tác và nhu cầu tìm hiểu, sử dụng pháp luật khi tham gia các quan hệ xã hội. Qua theo dõi, nhiều bộ, ngành, đoàn thể, địa phương đã có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, chính quyền tăng cường tuyên truyền, PBGDPL cho nhân dân, nhất là quán triệt, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn Ngành dưới hình thức Hội nghị trực tuyến.

Tuy nhiên, đúng như cử tri phản ánh, do điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước và của nhiều địa phương còn gặp nhiều khó khăn; nhiều địa phương nguồn thu thấp, chưa tự cân đối được ngân sách, trong khi nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương rất eo hẹp nên chưa dành nhiều kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả triển khai công tác này. Công tác PBGDPL mới chủ yếu triển khai đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ chủ chốt cấp cơ sở mà chưa đến được với đông đảo người dân, nhất là nhóm đối tượng đặc thù, tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiếp thu ý kiến của cử tri, Bộ Tư pháp sẽ chú trọng đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương, của đội ngũ Báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác PBGDPL chuyên ngành của bộ, ngành, đoàn thể, địa phương, bảo đảm có sự kết hợp, lồng ghép giữa các nguồn lực; tăng cường các biện pháp đối thoại, tháo gỡ những vướng mắc về chính sách, pháp luật để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL.

Bộ Tư pháp đề nghị cử tri tiếp tục quan tâm, tăng cường giám sát việc thực hiện trách nhiệm PBGDPL của chính quyền địa phương, nhất là cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ PBGDPL chuyên ngành và trong thực hiện pháp luật về PBGDPL. Cử tri cần tích cực tự giác, chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật và tham gia PBGDPL cho nhân dân; có ý kiến để Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân tăng cường giám sát thực hiện công tác PBGDPL; kiến nghị chính quyền địa phương, các cơ quan có thẩm quyền có giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL phù hợp với đặc thù địa phương và bố trí đủ các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí, các điều kiện bảo đảm để triển khai thật tốt công tác PBGDPL cho nhân dân.

***2. Cử tri tỉnh Lào Cai kiến nghị:*** *Cử tri phản ánh, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật hiện nay còn gặp nhiều khó khăn do nguồn kinh phí hạn chế. Cử tri đề nghị Nhà nước khi công bố ban hành luật mới cần đồng thời với việc bổ sung kinh phí cho các địa phương thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến với người dân để luật nhanh chóng đi vào cuộc sống.*

Thời gian qua, trong điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước, của các địa phương gặp rất nhiều khó khăn nhưng Chính phủ, chính quyền các cấp đã cố gắng quan tâm hơn đến việc đầu tư nguồn lực kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL. Tuy vậy, so với nhu cầu PBGDPL của nhân dân và yêu cầu triển khai thi hành các luật, pháp lệnh mới thì nguồn lực đầu tư còn rất hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Luật PBGDPL, Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 giữa Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL đã quy định cụ thể cơ chế tài chính để triển khai công tác này, nhất là đối với các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách. Căn cứ vào Luật ngân sách nhà nước về phân cấp thực hiện ngân sách, trong hai năm 2015 và 2016, Bộ Tài chính đều có văn bản hướng dẫn và đề nghị các địa phương, nhất là địa phương chưa tự cân đối được ngân sách tự bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL trong phạm vi ngân sách được Trung ương giao (khoản 2 Điều 3 Thông tư số 211/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 11 Thông tư số 102/2015/TT-BTC ngày 30/6/2015 hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2016). Qua theo dõi của Bộ Tư pháp và từ thực tiễn triển khai cho thấy, việc dành nguồn kinh phí cho công tác PBGDPL phụ thuộc rất nhiều vào sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị và điều kiện ngân sách ở từng cơ quan, tổ chức cũng như yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Vì vậy, trong khi chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác tuyên truyền, PBGDPL nói chung, quán triệt, phổ biến các luật, pháp lệnh mới nói riêng, Bộ Tư pháp đã đề nghị lãnh đạo bộ, ngành, đoàn thể, chính quyền tiếp tục quan tâm bảo đảm kinh phí, nguồn lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ PBGDPL. Do vậy, đề nghị các địa phương căn cứ vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội hàng năm và cả giai đoạn để chủ động dự kiến nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, tuyên truyền văn bản đó, báo cáo cơ quan có thẩm quyền bố trí trong phạm vi ngân sách của địa phương, đảm bảo tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả, đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Về lâu dài, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, phối hợp với bộ, ngành, đoàn thể đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế tổ chức thi hành luật, pháp lệnh để có được nguồn lực bảo đảm cho công tác này; tiếp tục nghiên cứu, tham mưu, trình Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình, Đề án về PBGDPL tại các địa bàn đặc thù, có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn để có thêm nguồn lực hỗ trợ cho các địa phương. Bộ Tư pháp đề nghị các cơ quan Tư pháp, Tổ chức pháp chế tích cực, chủ động tham mưu, đề xuất giải pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ PBGDPL; tranh thủ tối đa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể đối với công tác PBGDPL; có giải pháp lồng ghép các hoạt động để khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong PBGDPL; khuyến khích, huy động các nguồn lực tham gia PBGDPL theo tinh thần xã hội hoá để công tác PBGDPL thực sự là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

***3. Cử tri tỉnh Bắc Kạn kiến nghị:*** *Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cử tri đề nghị đối với đối tượng cố ý gây thương tích cho người khác luật cần quy định trách nhiệm phải bồi thường vật chất bằng tiền đến hết đời theo tỷ lệ thương tật cho người bị thương tích.*

Hiện nay, việc bồi thường thiệt hại trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác được thực hiện theo quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Bộ luật dân sự. Bên cạnh đó, tại Điều 612 Bộ luật dân sự hiện hành đã xác định cụ thể thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm. Theo đó, trường hợp người bị thiệt hại mất hoàn toàn khả năng lao động thì sẽ được hưởng bồi thường cho đến khi chết. Như vậy, pháp luật hiện hành đã có quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đến hết đời theo tỷ lệ thương tật của người bị hại trong những vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác.

***4. Cử tri tỉnh Hậu Giang kiến nghị:*** *Hiện nay, phụ nữ Việt Nam lấy chồng có yếu tố nước ngoài ngày càng nhiều nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài đề nghị nhà nước ký kết các hiệp định tương trợ với các nước có phụ nữ Việt Nam sinh sống nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân Việt Nam.*

Theo báo cáo của các địa phương, riêng năm 2015, cả nước có 14.354 trường hợp công dân Việt Nam (cư trú ở trong nước) kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Số trường hợp công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, sau đó yêu cầu ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp là 4.273 trường hợp, trong đó phần lớn là kết hôn với công dân Hàn Quốc (3.398 trường hợp).

Quyền kết hôn là quyền dân sự, một trong các quyền cơ bản của công dân được pháp luật quốc tế cũng như pháp luật trong nước công nhận và bảo vệ (Hiến pháp 2013, Luật hôn nhân và gia đình, Luật hộ tịch… ghi nhận; đồng thời Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước quốc tế về loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ cũng đã quy định về quyền này). Tuy nhiên, trong bối cảnh đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng ở Việt Nam, việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài có xu hướng tăng về số lượng, đồng thời phát sinh nhiều phức tạp trong quá trình giải quyết yêu cầu đăng ký kết hôn cũng như giải quyết hệ quả phát sinh sau hôn nhân (việc di cư ra nước ngoài để đoàn tụ gia đình của công dân Việt Nam, vấn đề quốc tịch, hộ tịch của công dân Việt Nam, con của công dân Việt Nam với công dân nước ngoài; việc ly hôn và tái hòa nhập tại Việt Nam sau khi ly hôn của công dân Việt Nam…).

Trên thực tế, sau khi ra nước ngoài đoàn tụ sau một khoảng thời gian nhất định (từ 2 - 5 năm), công dân Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho nhập quốc tịch nước ngoài. Đối với một số quốc gia, công dân Việt Nam muốn được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải thôi quốc tịch Việt Nam như Đài Loan, Hàn Quốc… Như vậy, những trường hợp đã được nhập quốc tịch nước ngoài, là công dân nước ngoài thì trách nhiệm bảo hộ công dân là của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, không còn là trách nhiệm của Việt Nam. Trong số công dân Việt Nam ra nước ngoài đoàn tụ, một số phụ nữ Việt Nam trong thời gian chờ được nhập quốc tịch nước ngoài có những vi phạm pháp luật nên không được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho nhập quốc tịch. Số phụ nữ này đã ly hôn, mang theo con chung với người nước ngoài (sinh ra tại nước ngoài) trở về cư trú tại Việt Nam, gây ra nhiều hậu quả phức tạp.

Trong số các nước có nhiều phụ nữ Việt Nam kết hôn với công dân nước đó như Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Canada thì Việt Nam đã ký Hiệp định tương trợ tư pháp (TTTP) với Trung Quốc về các vấn đề dân sự và hình sự (ký ngày 19/10/1998); Thỏa thuận TTTP trong lĩnh vực dân sự và thương mại giữa Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc và Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam (ký ngày 12/4/2010) và hiện đang tiến hành đàm phán để ký Hiệp định TTTP về dân sự với Hàn Quốc. Với các nước như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc, Canada, cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cũng đã nhiều lần đề nghị cơ quan có thẩm quyền của các nước đàm phán, ký Hiệp định TTTP song phương về dân sự nhưng các nước này không nhất trí mà đều đề nghị Việt Nam thúc đẩy việc gia nhập các điều ước quốc tế đa phương trong lĩnh vực TTTP, đặc biệt là Công ước La-Hay về tống đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước tống đạt giấy tờ), Công ước La-Hay về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước thu thập chứng cứ) và Công ước La-Hay về tiếp cận công lý quốc tế (Công ước tiếp cận công lý).

Về nội dung, các Hiệp định/Thỏa thuận TTTP đã được ký kết và đang trong quá trình đàm phán chỉ quy định các vấn đề về trình tự, thủ tục thực hiện TTTP về dân sự (bao gồm cả lĩnh vực hôn nhân và gia đình) như: tống đạt giấy tờ, thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng, người giám định trong các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài nói chung, bảo hộ pháp lý…, không có quy định điều chỉnh trực tiếp các vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi công dân của hai bên khi ly hôn, giải quyết vấn đề quyền nuôi con…

Có thể nói, việc ký kết các hiệp định TTTP với các quốc gia có nhiều phụ nữ Việt Nam sinh sống không phải là biện pháp duy nhất để bảo vệ/bảo hộ công dân Việt Nam trong quan hệ hôn nhân với người nước ngoài mà cần phải kết hợp tăng cường các biện pháp khác như tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật trong nước đến người dân nhằm nâng cao nhận thức của người dân trước khi kết hôn, giúp công dân Việt Nam hiểu rõ những hệ quả có thể gặp phải sau khi kết hôn với người nước ngoài để có quyết định, lựa chọn đúng đắn. Đồng thời, cần đẩy mạnh hơn nữa vai trò, trách nhiệm của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài trong việc tư vấn những vấn đề liên quan đến hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài cho công dân Việt Nam; tư vấn, bồi dưỡng cho công dân Việt Nam về ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán, pháp luật về hôn nhân và gia đình, về nhập cư của nước mà người yêu cầu dự định kết hôn với công dân nước đó; giúp đỡ các bên kết hôn tìm hiểu về hoàn cảnh cá nhân, gia đình của mỗi bên và các vấn đề khác liên quan mà các bên yêu cầu…

***5. Cử tri tỉnh An Giang kiến nghị:*** *Việc lấy ngân sách Nhà nước bồi thường án oan sai là không phù hợp. Đề nghị nên xem xét lại, cần phải đưa vào Luật để điều chỉnh, ràng buộc trách nhiệm bồi thường oan sai đối với cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử.*

Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Luật TNBTCNN) đã quy định trách nhiệm của cán bộ, công chức nói chung có hành vi vi phạm pháp luật phải bồi hoàn cho Nhà nước một khoản tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (Điều 56). Mức hoàn trả được xác định cụ thể tại Điều 16 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TNBTCNN.

Trong hoạt động tố tụng hình sự, Luật TNBTCNN cũng quy định trách nhiệm hoàn trả đối với trường hợp người thi hành công vụ có lỗi gây thiệt hại, theo đó, người thi hành công vụ có lỗi cố ý gây ra thiệt hại nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải hoàn trả một khoản tiền nhất định nhưng tối đa không quá 36 tháng lương của người đó tại thời điểm quyết định việc hoàn trả. Trường hợp người thi hành công vụ có lỗi cố ý gây ra thiệt hại mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự do việc thực hiện hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại thì phải bồi thường toàn bộ số tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP.

Thực tiễn 6 năm thi hành Luật TNBTCNN đến nay mới có 01 trường hợp công chức trong hoạt động tố tụng phải thực hiện trách nhiệm hoàn trả với số tiền là 8.529.000 đồng. Điều này cho thấy số lượng vụ việc đã xem xét trách nhiệm hoàn trả trong lĩnh vực tố tụng hình sự là rất ít, chưa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật cũng như trách nhiệm đối với Nhà nước của người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng nêu trên là do quy định của Luật TNBTCNN chưa cụ thể, rõ ràng, đặc biệt là việc quy định yếu tố lỗi trong hoạt động tố tụng hình sự để xem xét trách nhiệm hoàn trả. Ngoài ra, các cơ quan quản lý người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại cũng còn chưa nghiêm trong việc xem xét một cách khách quan trách nhiệm hoàn trả...

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tham mưu, giúp Chính phủ nghiên cứu xây dựng dự án Luật TNBTCNN (sửa đổi) để trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV. Theo đó, để tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ, đặc biệt trong tố tụng hình sự, dự án Luật đang được xây dựng theo hướng quy định tăng trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ nhằm tăng cường trách nhiệm cũng như hạn chế việc lạm quyền của người thi hành công vụ. Đồng thời, Luật cũng xem xét các hình thức kỷ luật cụ thể tương xứng với hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ và mức thiệt hại mà Nhà nước phải bồi thường theo nguyên tắc mọi trường hợp người thi hành công vụ gây ra thiệt hại đều phải chịu một hình thức kỷ luật, đối với những lỗi vô ý do nhận thức, năng lực chuyên môn còn hạn chế thì sẽ được xem xét cho đi đào tạo lại, bồi dưỡng thêm để đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ.

***6. Cử tri tỉnh An Giang kiến nghị:*** *Về Bộ luật hình sự*

*- Đề nghị khi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có quy định chế tài đối với hành vi cố ý gây thương tích nhưng không thành và hành vi trộm vặt (gà, chó, xuồng…)*

*- Cử tri đề nghị nên áp dụng xử phạt hình sự đối với mọi hành vi và mức độ vi phạm pháp luật, nhằm tăng tính răn đe đối với tội phạm, nhất là thanh thiếu niên, vì hiện nay thanh thiếu niên vi phạm pháp luật tăng về số lượng cũng như mức độ vi phạm.*

*- Đề nghị nên xem lại quy định bỏ một số án tử hình, nhất là đối với một số loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia; đến sinh mạng nhiều người và hành vi phạm tội dã man, mất nhân tính.*

a) Về kiến nghị quy định chế tài đối với hành vi cố ý gây thương tích không thành và hành vi trộm vặt; đối tượng phạm tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản có giá trị dưới hai triệu đồng.

- Đối với hành vi cố ý gây thương tích, pháp luật hiện hành căn cứ vào tỷ lệ thương tật của người bị hại để quy định về chế tài xử lý cho phù hợp. Cụ thể, hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì sẽ bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Còn hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới 11% và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 thì sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 5 Mục I Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với hành vi trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng, theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành, hành vi trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng nếu thuộc một trong các trường hợp: gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản (Điều 138 của Bộ luật hình sự) với khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) tiếp tục kế thừa các quy định này, tuy nhiên, đã cụ thể hóa dấu hiệu gây hậu quả nghiêm trọng bằng tình tiết “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” và bổ sung trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại là một trong những trường hợp phạm tội trộm cắp tài sản. Như vậy, Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) đã quy định cụ thể các trường hợp phạm tội trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng với khung hình phạt nghiêm khắc.

Hành vi trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng còn lại (không phải là tội phạm) thì sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

*b) Về đề nghị áp dụng xử phạt hình sự đối với mọi hành vi và mức độ vi phạm pháp luật, nhằm răn đe đối với tội phạm, nhất là thanh thiếu niên*

Pháp luật nước ta hiện nay có 02 hệ thống chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật, đó là chế tài xử lý vi phạm hành chính và chế tài xử lý hình sự. Chế tài xử lý vi phạm hành chính được áp dụng đối với các hành vi vi phạm mà không phải là tội phạm. Chế tài xử lý hình sự được áp dụng đối với các hành vi phạm tội có tính nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự. Như vậy, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật, Nhà nước đã quy định các chế tài xử lý khác nhau để đảm bảo công bằng, tương xứng với hành vi vi phạm. Do đó, nếu quy định mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý hình sự thì sẽ dẫn tới việc tăng nặng trách nhiệm đối với những hành vi không phải là tội phạm và không đảm bảo tính công bằng cũng như mục đích giáo dục người thực hiện hành vi vi phạm khi áp dụng chế tài xử lý.

*c) Về đề nghị xem lại quy định bỏ một số án tử hình, nhất là đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia; đến sinh mạng nhiều người và hành vi phạm tội dã man, mất nhân tính*

Hình phạt tử hình là chế tài nghiêm khắc nhất trong hệ thống các chế tài hình sự, đây là hình phạt tước đi quyền sống - quyền cơ bản, quan trọng nhất của con người. Do đó, việc áp dụng hình phạt này chỉ trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra, cùng với sự phát triển của nhân loại, xu hướng chung của thế giới là thu hẹp dần hình phạt tử hình, tiến tới xóa bỏ hình phạt này và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền con người nói chung, quyền sống nói riêng theo Hiến pháp 2013 và yêu cầu tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về giảm hình phạt tử hình; kế thừa thực tiễn lập pháp, thực tiễn áp dụng hình phạt tử hình trong thời gian qua, Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) đã bỏ hình phạt tử hình ở 08 tội danh: (1) cướp tài sản; (2) sản xuất, buôn bán hàng cấm là lương thực, thực phẩm; (3) tàng trữ trái phép chất ma túy; (4) chiếm đoạt chất ma túy; (5) phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; (6) chống mệnh lệnh; (7) đầu hàng địch; (8) tội hoạt động phỉ (do bỏ tội danh này). Đề xuất bỏ hình phạt tử hình đối với các tội danh trên là kết quả của quá trình nghiên cứu, đánh giá về mặt lý luận cũng như thực tiễn áp dụng, xuất phát từ tính chất nguy hiểm của hành vi và thực tiễn xử lý tội phạm. Việc bỏ hình phạt tử hình đối với 08 tội danh này cũng đã được báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị.

Bên cạnh việc bỏ hình phạt tử hình đối với các tội danh nêu trên, Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) cũng đã quy định đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia và tội giết nhiều người vẫn duy trì hình phạt tử hình.

***7. Cử tri thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị:***

*- Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp dự án nhà ở; thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai: Kiến nghị Bộ Tư pháp có văn bản chỉ đạo cơ quan công chứng thực hiện công chứng đối với hồ sơ thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, hồ sơ thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai theo đúng các quy định pháp luật về công chứng.*

- *Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên Môi trường sớm ban hành thông tư hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cơ sở pháp lý cho các tổ chức tín dụng và khách hàng thực hiện đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định của Luật Nhà ở 2014. Đề nghị Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên Môi trường sớm ban hành thông tư hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cơ sở pháp lý cho các tổ chức tín dụng và khách hàng thực hiện đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định của Luật Nhà ở 2014.*

Theo quy định của Điều 147, Điều 148Luật nhà ở năm 2014 thì: **(1)** chủ đầu tư được thế chấp tài sản là dự án đầu tư xây dựng nhà ở hình thành trong tương lai hoặc nhà ở hình thành trong tương lai trong dự án tại tổ chức tín dụng đang hoạt động tại Việt Nam để vay vốn cho việc đầu tư dự án hoặc xây dựng nhà ở đó và **(2)** tổ chức, cá nhân được thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai xây dựng trên thửa đất ở hợp pháp của mình tại tổ chức tín dụng đang hoạt động tại Việt Nam để vay vốn phục vụ cho việc xây dựng nhà ở đó. Đây là những quy định mới, tiến bộ của pháp luật về nhà ở nhằm tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay.

 Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT) không điều chỉnh việc đăng ký thế chấp đối với tài sản là nhà ở hình thành trong tương lai. Đồng thời, Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT ngày 25/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thủ tục thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở có phạm vi điều chỉnh việc đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai hẹp hơn so với Luật nhà ở năm 2014 và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở (*chỉ hướng dẫn việc thế chấp, công chứng và đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai của tổ chức, cá nhân mua của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản*). Vì vậy, đúng như phản ánh của cử tri, do chưa có quy định đầy đủ, rõ ràng về việc đăng ký thế chấp tài sản là nhà ở hình thành trong tương lai theo tinh thần của Luật nhà ở năm 2014 nên các cơ quan đăng ký, các tổ chức, cá nhân còn gặp lúng túng và không có cơ sở để thực hiện việc đăng ký thế chấp đối với loại tài sản nêu trên.

Từ tình hình nêu trên, để kịp thời khắc phục vướng mắc như cử tri đã phản ánh, nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc công chứng hợp đồng và đăng ký thế chấp đối với loại tài sản là dự án phát triển nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai, trong thời gian vừa qua, các đơn vị chức năng của Bộ Tư pháp đã thực hiện các giải pháp sau đây:

*a) Về thủ tục đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai*

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 81 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã chủ động, tích cực phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT, theo đó, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư liên tịch đã được nghiên cứu mở rộng theo hướng: *Thông tư liên tịch hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bao gồm cả trình tự, thủ tục đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai (gồm dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai của chủ đầu tư dự án nhà ở; nhà ở hình thành trong tương lai của tổ chức, cá nhân mua trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở; nhà ở hình thành trong tương lai được xây dựng trên thửa đất hợp pháp của tổ chức, cá nhân)*. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định nêu trên góp phần tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai. Hiện nay, dự thảo Thông tư liên tịch đang được trình cấp có thẩm quyền ký ban hành.

*b) Về việc chỉ đạo các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở/nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định của pháp luật về nhà ở*

Liên quan đến kiến nghị chỉ đạo các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở/nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định của pháp luật về nhà ở của cử tri, do pháp luật quy định còn chưa rõ về vấn đề này nên các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp đang phối hợp với các bộ, ngành rà soát, nghiên cứu, trao đổi thêm về các quy định của Luật nhà ở năm 2014 và các văn bản có liên quan để có hướng dẫn thống nhất trong thời gian tới.

***8. Cử tri tỉnh Thái Nguyên kiến nghị:*** *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về giám định tư pháp; sớm xây dựng quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp với các bộ, ngành chủ quản; giữa các tổ chức giám định tư pháp; giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức giám định tư pháp trong đó cần xác định rõ nội dung, cách thức và cơ chế phối hợp phù hợp với tính chất đặc thù của giám định tư pháp; cần nghiên cứu chính sách thu hút nguồn nhân lực và chế độ đãi ngộ đối với tổ chức, cá nhân làm công tác giám định tư pháp tương xứng với đặc thù công việc…*

*- Về việc hoàn thiện thể chế:* Để thực hiện Luật giám định tư pháp, từ năm 2013 đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, trong đó có 02 nghị định của Chính phủ, 01 quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 30 thông tư, quyết định của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trên nhiều lĩnh vực giám định khác nhau. Mặc dù vậy, các văn bản hướng dẫn về giám định tư pháp còn chưa đầy đủ, một số văn bản chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn nên người giám định tư pháp còn gặp khó khăn khi thực hiện giám định. Để tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về giám định tư pháp, các bộ, ngành ở Trung ương đang tiếp tục xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản về giám định tư pháp như quy định về quy chuẩn giám định tư pháp; việc trưng cầu, thực hiện, đánh giá và sử dụng kết luận giám định; về định giá tài sản trong tố tụng hình sự...

*- Về việc xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan tổ chức có liên quan:* Giám định tư pháp là hoạt động thuộc trách nhiệm quản lý và có liên quan đến nhiều bộ, ngành, do vậy, rất cần sự phối hợp của các bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức. Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã và đang phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ Tư pháp và Ban Nội chính Trung ương, trong đó có nội dung phối hợp trong hoạt động giám định và công tác quản lý nhà nước về giám định tư pháp; Quy chế phối hợp giữa Trung tâm pháp y tỉnh và Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh (hiện đang lấy ý kiến của các Bộ, ngành). Bên cạnh đó, nhiều địa phương cũng đã chủ động xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan tố tụng; giữa các tổ chức giám định tư pháp ở địa phương. Tuy nhiên, việc xây dựng và ban hành quy chế phối hợp còn chưa đảm bảo tiến độ nên ảnh hưởng phần nào đến tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp.

*- Về chính sách thu hút nguồn nhân lực và chế độ đãi ngộ đối với tổ chức, cá nhân làm công tác giám định tư pháp:* Nhằm thu hút nguồn nhân lực tham gia vào hoạt động giám định tư pháp, trong thời gian qua Bộ Tư pháp đã tham mưu, xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản như: Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp; Chỉ thị số 1958/CT-TTg ngày 25/10/2010 về một số giải pháp cấp bách nhằm tăng cường năng lực, hiệu quả hoạt động giám định tư pháp nhằm thu hút chuyên gia giỏi tham gia vào công tác giám định. Ngoài ra, hiện nay, Bộ Tư pháp đang hoàn thiện Đề án tôn vinh cá nhân, tổ chức giám định tư pháp nhằm tôn vinh, động viên, khuyến khích cá nhân, tổ chức có đóng góp cho hoạt động giám định tư pháp.

Về phía các bộ, ngành quản lý lĩnh vực: Thời gian qua, các bộ, ngành cũng có nhiều quan tâm xây dựng chính sách dành cho người giám định tư pháp theo từng lĩnh vực, điển hình là Bộ Y tế phối hợp với Bộ Nội vụ xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập, trong đó có giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần; Bộ Công an có Công văn số 3718/BCA-X11 ngày 25/9/2013 hướng dẫn tạm thời chế độ chính sách cho người giám định pháp y thuộc lực lượng công an nhân dân, kéo dài thời gian công tác, nghỉ dưỡng, trợ cấp tiền lương, phụ cấp độc hại. Ngoài ra, hiện nay, Bộ Y tế đang chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng ngạch bậc lương riêng cho cán bộ làm công tác pháp y, pháp y tâm thần chuyên trách cho phù hợp với đặc thù nghề nghiệp nhằm bảo đảm thực hiện chính sách đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực.

Nhìn chung, với chế độ chính sách dành cho người giám định tư pháp như hiện nay đã phần nào động viên, khuyến khích được người làm giám định tư pháp nhưng thực sự chưa tương xứng với trách nhiệm và đặc thù công việc giám định. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục quan tâm phối với hợp với các bộ, ngành ở Trung ương nghiên cứu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành các chế độ chính sách dành cho người giám định tư pháp.

***9. Cử tri tỉnh An Giang kiến nghị:*** *Tình trạng phạm tội trong độ tuổi vị thành niên hiện nay gia tăng, đặc biệt là tội phạm nghiêm trọng, có tổ chức theo băng nhóm và người phạm tội thuộc đối tượng thanh thiếu niên sử dụng các hung khí tự chế, có tính sát thương cao. Đề nghị hạ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng này. Đồng thời các cấp, các ngành tăng cường các biện pháp kiên quyết hơn gắn với công tác quản lý, giáo dục phòng ngừa thanh thiếu niên phạm tội.*

*a) Về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự*

Trong quá trình xây dựng dự án Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật), một số ý kiến đề xuất hạ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự xuống 12 tuổi thay vì 14 tuổi như quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 với lý do tình hình người chưa thành niên phạm tội diễn biến phức tạp, độ tuổi phạm tội có xu hướng trẻ hóa. Tuy nhiên, Ban soạn thảo dự án Bộ luật hình sự năm 2015 thấy rằng cần giữ nguyên độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 14 tuổi vì các lý do sau:

*Thứ nhất*, qua báo cáo của Bộ Công an về tình hình tội phạm cho thấy tỷ lệ người chưa thành niên phạm các tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, sử dụng vũ khí chủ yếu thuộc nhóm tuổi từ 16 đến dưới 18 tuổi, một số trường hợp phạm tội trong độ tuổi từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Số người chưa thành niên ở độ tuổi dưới 14 thực hiện các hành vi có dấu hiệu tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng chỉ là một vài trường hợp cá biệt. Vì thế, không thể căn cứ vào một số trường hợp cá biệt mà hạ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự xuống mức 12 tuổi.

*Thứ hai*, qua nghiên cứu pháp luật hình sự của một số quốc gia trên thế giới thì thấy rằng độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự phổ biến là 14 tuổi trở lên. Đối với một số quốc gia, việc quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự ở mức thấp hơn 14 tuổi, ví dụ Anh quốc (10 tuổi) là do trong hệ thống pháp luật nước đó, những vi phạm nhỏ cũng được coi là tội hình sự (tội tiểu hình). Trong khi đó, với đặc thù hệ thống pháp luật nước ta gồm pháp luật hành chính và pháp luật hình sự thì đối với những hành vi có dấu hiệu của tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý do người chưa thành niên từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện sẽ bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; những hành vi có dấu hiệu của tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do người chưa thành niên từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện sẽ bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Chính vì vậy, để thống nhất với các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) vẫn giữ nguyên độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự như Bộ luật hình sự năm 1999.

*b) Về việc tăng cường biện pháp kiên quyết hơn gắn với công tác quản lý, giáo dục phòng ngừa thanh thiếu niên phạm tội*

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ về công tác quản lý, giáo dục pháp luật, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành đề xuất và thực hiện một số giải pháp về quản lý, giáo dục phòng ngừa thanh thiếu niên phạm tội như sau:

*Thứ nhất*, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông tăng cường quản lý các phương tiện truyền thông, báo chí, đặc biệt đối với các báo điện tử, mạng xã hội, quản lý chặt chẽ việc đăng tải, đưa tin nhằm mục đích “câu khách” hoặc mang tính giật gân các tin, bài, phim ảnh có nội dung bạo lực. Đồng thời, có chế tài và thực hiện xử phạt nghiêm minh các phương tiện báo chí truyền thông vi phạm quy định của Luật báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm việc tiếp nhận thông tin vừa kịp thời, đa dạng, nhưng vẫn bảo đảm tính định hướng, lành mạnh, qua đó xây dựng niềm tin, ý thức, lối sống tích cực cho thanh niên.

*Thứ hai*, Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ đề xuất Thủ tướng Chính phủ tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên, trong đó cho phép Bộ Tư pháp tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện Đề án tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên theo Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 26/10/2010 theo hướng tập trung vào thanh thiếu niên có nguy cơ vi phạm pháp luật, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, đang bị áp dụng biện pháp giáo dục; phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn, nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

*Thứ ba*, đổi mới nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên, chú trọng các hình thức, biện pháp có hiệu quả đối với thanh thiếu niên, chú trọng vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng, gắn kết giữa phổ biến giáo dục pháp luật với giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống. Quan tâm đầu tư nguồn lực phổ biến, giáo dục pháp luật, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá thực tiễn và nhân rộng mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả cho thanh thiếu niên.

*Thứ tư*, tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt là tội phạm nghiêm trọng, có tổ chức theo băng nhóm và người phạm tội thuộc đối tượng thanh thiếu niên sử dụng các hung khí tự chế, có tính sát thương cao. Đồng thời, chú trọng tuyên truyền, nêu gương, biểu dương, khen thưởng tấm gương thanh niên chấp hành pháp luật tốt.

*Thứ năm*, bảo đảm thực thi hiệu quả các biện pháp xử lý thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; nâng cao chất lượng, hiệu quả các vụ, việc hòa giải tại cơ sở có liên quan đến thanh thiếu niên để qua hòa giải, vận động, thuyết phục, giáo dục, nâng cao trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật của thanh thiếu niên; thực hiện tốt chính sách tái hòa nhập cộng đồng và quan tâm, hỗ trợ đối tượng này để phòng ngừa vi phạm.

***10. Cử tri tỉnh An Giang kiến nghị:***

*- Có biện pháp chế tài nghiêm khắc hơn đối với đối tượng phạm tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản có giá trị dưới hai triệu đồng hoặc có giải pháp hữu hiệu hơn trong lập, thống kê, theo dõi hồ sơ các đối tượng này khi vi phạm nhiều lần, nhiều địa bàn khác nhau, kịp thời xử lý đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.*

*Đề nghị khi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có quy định chế tài đối với hành vi cố ý gây thương tích nhưng không thành và hành vi trộm vặt (gà, chó, xuồng…)*

*- Đề nghị nên áp dụng xử phạt hình sự đối với mọi hành vi và mức độ vi phạm pháp luật, nhằm tăng tính răn đe đối với tội phạm, nhất là thanh thiếu niên, vì hiện nay thanh thiếu niên vi phạm pháp luật tăng về số lượng cũng như mức độ vi phạm.*

*- Đề nghị nên xem lại quy định bỏ một số án tử hình, nhất là đối với một số loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia; đến sinh mạng nhiều người và hành vi phạm tội dã man, mất nhân tính.*

*a) Về kiến nghị quy định chế tài đối với hành vi cố ý gây thương tích không thành và hành vi trộm vặt; đối tượng phạm tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản có giá trị dưới hai triệu đồng*

- Đối với hành vi cố ý gây thương tích, pháp luật hiện hành căn cứ vào tỷ lệ thương tật của người bị hại để quy định về chế tài xử lý cho phù hợp. Cụ thể, hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì sẽ bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Còn hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới 11% và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 thì sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 5 Mục I Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với hành vi trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng, theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành, hành vi trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng nếu thuộc một trong các trường hợp: gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản (Điều 138 của Bộ luật hình sự) với khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) tiếp tục kế thừa các quy định này, tuy nhiên, đã cụ thể hóa dấu hiệu gây hậu quả nghiêm trọng bằng tình tiết “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” và bổ sung trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại là một trong những trường hợp phạm tội trộm cắp tài sản. Như vậy, Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) đã quy định cụ thể các trường hợp phạm tội trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng với khung hình phạt nghiêm khắc.

Hành vi trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng còn lại (không phải là tội phạm) thì sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

*b) Về đề nghị áp dụng xử phạt hình sự đối với mọi hành vi và mức độ vi phạm pháp luật, nhằm răn đe đối với tội phạm, nhất là thanh thiếu niên*

Pháp luật nước ta hiện nay có 02 hệ thống chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật, đó là chế tài xử lý vi phạm hành chính và chế tài xử lý hình sự. Chế tài xử lý vi phạm hành chính được áp dụng đối với các hành vi vi phạm mà không phải là tội phạm. Chế tài xử lý hình sự được áp dụng đối với các hành vi phạm tội có tính nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự. Như vậy, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật, Nhà nước đã quy định các chế tài xử lý khác nhau để đảm bảo công bằng, tương xứng với hành vi vi phạm. Do đó, nếu quy định mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý hình sự thì sẽ dẫn tới việc tăng nặng trách nhiệm đối với những hành vi không phải là tội phạm và không đảm bảo tính công bằng cũng như mục đích giáo dục người thực hiện hành vi vi phạm khi áp dụng chế tài xử lý.

*c) Về đề nghị xem lại quy định bỏ một số án tử hình, nhất là đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia; đến sinh mạng nhiều người và hành vi phạm tội dã man, mất nhân tính*

Hình phạt tử hình là chế tài nghiêm khắc nhất trong hệ thống các chế tài hình sự, đây là hình phạt tước đi quyền sống - quyền cơ bản, quan trọng nhất của con người. Do đó, việc áp dụng hình phạt này chỉ trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra, cùng với sự phát triển của nhân loại, xu hướng chung của thế giới là thu hẹp dần hình phạt tử hình, tiến tới xóa bỏ hình phạt này và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền con người nói chung, quyền sống nói riêng theo Hiến pháp 2013 và yêu cầu tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về giảm hình phạt tử hình; kế thừa thực tiễn lập pháp, thực tiễn áp dụng hình phạt tử hình trong thời gian qua, Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) đã bỏ hình phạt tử hình ở 08 tội danh: (1) cướp tài sản; (2) sản xuất, buôn bán hàng cấm là lương thực, thực phẩm; (3) tàng trữ trái phép chất ma túy; (4) chiếm đoạt chất ma túy; (5) phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; (6) chống mệnh lệnh; (7) đầu hàng địch; (8) tội hoạt động phỉ (do bỏ tội danh này). Đề xuất bỏ hình phạt tử hình đối với các tội danh trên là kết quả của quá trình nghiên cứu, đánh giá về mặt lý luận cũng như thực tiễn áp dụng, xuất phát từ tính chất nguy hiểm của hành vi và thực tiễn xử lý tội phạm. Việc bỏ hình phạt tử hình đối với 08 tội danh này cũng đã được báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị.

Bên cạnh việc bỏ hình phạt tử hình đối với các tội danh nêu trên, Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) cũng đã quy định đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia và tội giết nhiều người vẫn duy trì hình phạt tử hình.

***11. Cử tri tỉnh Cà Mau kiến nghị:*** *Những vướng mắc, bất cập trong nội dung quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP, ngày 30/9/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và Thông tư số 20/2014/TT-BTP, ngày 25/9/2014* ***Ban hành các biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý hành chính quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên theo quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn****:*

*+ Thời gian tính để lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục đối tượng, được tính lần đầu và lần cuối vi phạm liền kề trong thời gian 06 tháng và đã ít nhất 02 lần xử phạt hành chính, so với thời gian quy định thì quá ngắn, trong công tác phòng ngừa gặp nhiều khó khăn.*

*+ Đối với người nghiện ma túy được quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 4 của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP, về độ tuổi là người từ đủ 18 tuổi trở lên, mới được áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã.*

*- Cử tri kiến nghị:*

*+ So với thời gian tính để lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục đối tượng, được tính lần đầu và lần cuối vi phạm liền kề trong thời gian 06 tháng là quá ngắn, kiến nghị về trên nên quy định thời gian dài hơn và số lần vi phạm xử lý hành chính ít hơn.*

*+ Nên quy định thêm về thẩm quyền xác định tình trạng người nghiện ma túy và có biện pháp áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện kịp thời.*

*+ Đối với người nghiện ma túy được quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 4 của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP, về độ tuổi là người từ đủ 18 tuổi trở lên, mới được áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã. Kiến nghị nên hạ độ tuổi xuống thành từ người từ đủ 16 tuổi trở lên.*

*a) Đối với kiến nghị quy định kéo dài khoảng thời gian mà cá nhân thực hiện hành vi vi phạm và giảm số lần vi phạm hành chính*

Điểm c, đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (Nghị định số 111/2013/NĐ-CP) quy định: *“Đối tượng là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, trong 06 tháng đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng, thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm hành chính nêu trên bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định”* và *“Đối tượng là người từ đủ 18 tuổi trở lên, trong 06 tháng đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội, thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm hành chính nêu trên bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định”.* Quy định này được xây dựng trên cơ sở quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, với tinh thần quy định một cách cụ thể, chi tiết (số lần vi phạm trong thời gian 06 tháng) để bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu của quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện pháp luật, đồng thời, thể hiện tính nhân đạo trong xử lý cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật.

Tuy nhiên, qua theo dõi chung tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong thời gian qua, Bộ Tư pháp nhận thấy, một số địa phương cũng phản ánh vướng mắc trên thực tiễn tương tự như vấn đề cử tri đã nêu. Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của cử tri về vấn đề này và sẽ tiếp tục theo dõi, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; nghiên cứu để báo cáo Chính phủ xem xét, kiến nghị với Quốc hội xem xét, sửa đổi quy định trong Luật xử lý vi phạm hành chính về số lần vi phạm và khoảng thời gian mà cá nhân thực hiện hành vi vi phạm để vừa bảo đảm tính cụ thể, chi tiết vừa bảo đảm tính hợp lý và khả thi của quy định pháp luật.

*b) Đối với kiến nghị quy định thêm thẩm quyền xác định tình trạng nghiện*

Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cũng đã có quy định về thẩm quyền xác định tình trạng nghiện (Điều 10 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP). Hiện nay, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP đang được trình Chính phủ cũng quy định cụ thể hơn, theo hướng mở rộng thẩm quyền xác định tình trạng nghiện. Bên cạnh đó, các Bộ: Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an cũng đã ban hành Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09/7/2015 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện. Theo đó, tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA đã hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy.

*- Đối với đề xuất có biện pháp áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:* Hiện nay, theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, để bảo đảm việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính nói chung và biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nói riêng, người có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn (i) giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính (Điều 131); (ii) truy tìm đối tượng phải chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn (Điều 132). Theo đó, tùy từng hành vi của đối tượng, thời điểm thực tế xảy ra hành vi người có thẩm quyền có thể áp dụng 01 trong các biện pháp ngăn chặn nêu trên để bảo đảm áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

*c) Đối với kiến nghị hạ độ tuổi đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã từ 18 tuổi trở lên xuống 16 tuổi trở lên*

Theo quy định tại khoản 4 Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính, một trong những đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là “*người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định*”, quy định trên của Luật đã được quy định chi tiết tại điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đã quy định biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được áp dụng đối với trường hợp *người nghiện từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định sau khi áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện*. Như vậy, quy định về độ tuổi tại điểm d khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP là bảo đảm tính hợp pháp và tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

***12. Cử tri tỉnh Lạng Sơn kiến nghị:*** *Xem xét lại về độ tuổi trẻ em ở các văn bản pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo tính thống nhất trong các quy định của pháp luật.*

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay, mỗi VBQPPL khác nhau đều có các quy định riêng về độ tuổi của đối tượng điều chỉnh của lĩnh vực pháp luật tương ứng, ví dụ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (Bộ luật hình sự năm 2015(chưa có hiệu lực pháp luật)), tuổi có năng lực hành vi dân sự (Bộ luật dân sự năm 2015), tuổi bị xử lý vi phạm hành chính (Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013), tuổi lao động (Bộ luật lao động)... Tuy nhiên, xuất phát từ đặc thù về tâm, sinh lý của người dưới 18 tuổi, tất cả các VBQPPL này đều có phần, chương hoặc mục riêng quy định các nội dung đặc thù đối với người chưa thành niên/người dưới 18 tuổi. Bên cạnh đó, Luật trẻ em vừa được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 05/4/2016 (thay thế Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004) quy định “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến của cử tri và sẽ tiếp tục nghiên cứu để tham mưu cho các cơ quan có thẩm quyền theo hướng quy định thống nhất và nhất quán hơn về độ tuổi của trẻ em.

***13. Cử tri tỉnh Bình Thuận kiến nghị:*** *Tăng cường xử phạt thật nghiêm nạn buôn bán ma túy, hiện nay các vụ buôn bán ma túy khi bị cơ quan chức năng phát hiện xử lý thì vụ sau lớn hơn vụ trước gây ra những bức xúc, bất bình trong nhân dân.*

Theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành thì hành vi mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 194 - Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy với mức hình phạt tù thấp nhất là 02 năm và cao nhất là hình phạt tử hình. Tuy nhiên, để phân hóa trách nhiệm hình sự của người phạm tội và đảm bảo chính sách xử lý hình sự tương xứng với hành vi phạm tội, Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) đã tách Điều 194 thành 04 tội danh độc lập (Điều 249 - Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; Điều 250 - Tội vận chuyển trái phép chất ma túy; Điều 251 - Tội mua bán trái phép chất ma túy và Điều 252 - Tội chiếm đoạt chất ma túy). Trong số 04 tội danh này, riêng hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) quy định xử lý hình sự ngay khi có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, không kể định lượng chất ma túy được mua bán là bao nhiêu. Theo đó, Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) quy định hình phạt nghiêm khắc đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể: hình phạt thấp nhất là 2 năm tù và cao nhất đến tử hình. Còn đối với 03 tội danh còn lại được tách ra từ Điều 194 Bộ luật hình sự hiện hành thì Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) quy định rõ mức định lượng để xử lý hình sự đối với hành vi phạm tội. Như vậy, có thể thấy chính sách hình sự đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy đã rất nghiêm khắc.

***14. Cử tri tỉnh Bình Thuận kiến nghị:*** *Tiếp tục nghiên cứu về loại tội phạm hình sự chưa đủ 18 tuổi gây trọng án… Vì hiện nay lứa tuổi vị thành niên gây trọng án, gây nhiều bức xúc trong xã hội như: Cướp, giết người, đâm thuê, chém mướn dã man, các tội phạm này cũng chỉ xử phạt 18 năm tù là chưa đủ sức răn đe, gây bất bình trong xã hội.*

*Thứ nhất,* một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta trong chính sách xử lý đối với người phạm tội đã được khẳng định tại các Nghị quyết của Đảng là *"Đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm".* Do vậy, khi xây dựng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội cần quán triệt quan điểm, chủ trương này của Đảng.

*Thứ hai,* kế thừa quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) đã phân hóa chính sách xử lý hình sự đối với hai đối tượng người chưa thành niên phạm tội, đó là: (i) người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và (ii) người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Cụ thể:

- Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

- Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

Thực tiễn cho thấy, việc áp dụng hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội đã đem lại nhiều hậu quả tiêu cực tới các em, khiến các em có cảm giác bị bỏ rơi, bị đẩy ra lề xã hội, đồng thời có thể gây ra sự kỳ thị, xa lánh của cộng đồng đối với các em. Đây chính là những trở ngại đối với quá trình phục hồi và tái hoà nhập của người chưa thành niên phạm tội. Do vậy, Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) đã khẳng định một nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội đó là *"tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng với thời hạn thích hợp ngắn nhất*".

Việc quy định mức hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội như hiện nay là hợp lý, phù hợp với Công ước quốc tế về quyền trẻ em, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong xử lý người phạm tội, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với pháp luật quốc tế về tư pháp đối với người chưa thành niên.